

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày 02 - 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tấn

Bà Trần Thị Bích Huệ

- Thư ký Tòa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng M**, sinh ngày 15/7/1991 tại xã Q, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng B và bà Lữ M; chồng: Không, có 01 con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 26/02/2020, tạm giam ngày 29/02/2020, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lương P - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 7/2013, Hoàng M từ Quảng Đông, Trung Quốc về nhà bố mẹ đẻ là ông Hoàng B và bà Lữ M tại thôn H, xã Q, huyện V, tỉnh Yên Bái để sinh con. Khoảng tháng 12/2013 M gọi điện cho B, qua nói chuyện M nói sau tết sẽ tiếp tục đi làm ở Trung Quốc, M nói với B “Cô tìm giúp cháu ít người để đưa sang Trung Quốc làm việc, tiền công được khoảng 6.000.000đ/tháng công việc

cũng không quá vất vả. Nếu tìm được ông chủ người Trung Quốc sẽ trả công cho B 5 Nhân dân tệ/người/ngày, tính ra tiền Việt Nam là 17.500đ/người/ngày”, B đồng ý. Sau đó B đi làm nương và thu mua sản thuộc khu vực thôn 4 và thôn 5 xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. B đã gặp, rủ rê lôi kéo một số người dân đi sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp, B nói với họ đi làm bên Trung Quốc lương 6.000.000đ/tháng, công việc không vất vả. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên nhiều người đã đồng ý đi làm, một số người dân biết tin cũng tìm đến nhà gặp B xin đi cùng. Khoảng trước tết năm 2014, B đã tìm được 10 người ở xã A đi Trung Quốc làm thuê, gồm: Anh Đ, V, L, G, C, chị Ca và chị Th cùng ở thôn 4 xã A; chị K, anh Đa và anh Tr cùng ở thôn 5 xã A. Sau khi tìm được số người trên, B đã thông báo cho M biết. M gọi điện cho người có tên E, người Việt Nam sinh sống ở Quảng Đông, Trung Quốc là người quản lý người Việt Nam làm thuê ở Trung Quốc hỏi xem E có thu xếp được công việc không, E trả lời là sắp xếp được và hứa sẽ trả công cho M 300.000đ/người được đưa sang với điều kiện mọi người làm việc tốt được nhận lương, E cũng đồng ý trả công cho B 5 Nhân dân tệ/người/ngày (tương đương tiền Việt Nam 17.500đ). Sau đó M nói lại với B và bảo mỗi người chuẩn bị 4.000.000đ để lo chi phí đi Trung Quốc. M và B thống nhất, cùng đưa mọi người từ V về ga L - Hà Nội. Từ ga L, M sẽ chịu trách nhiệm đưa mọi người sang Trung Quốc và bố trí công việc. Tiền lương của mọi người và tiền công của B sẽ do M trực tiếp lấy và gửi về nhà cho B, B sẽ có trách nhiệm trả lương cho người nhà của những người được đưa sang Trung Quốc.

Sau khi ăn tết xong, M thông báo cho B biết thời gian đi vào ngày 07/02/2014 và hẹn gặp nhau tại ga T, huyện V. Sau đó B đã thông báo cho mọi người biết thời gian và địa điểm tập trung và bảo mỗi người chuẩn bị 4.000.000đ để lo chi phí đi đường, tiền ăn, ngủ ... trong quá trình sang Trung Quốc, nhưng phần lớn mọi người đều nói không có tiền để đi, B nói ai không có tiền thì B ứng trước sau đó trừ vào lương hàng tháng và mọi người đồng ý. Để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, B dặn mọi người “Nếu có ai hỏi đi làm ở đâu thì chỉ nói đi làm ở Hà Nội hoặc Quảng Ninh”.

Khoảng 21 giờ ngày 07/02/2014 M gặp B tại ga T, B đã chuẩn bị vé tàu cho 10 người ở xã A, huyện V. Sau đó tất cả lên tàu và cùng ngồi tại toa số 6. Khoảng 5 giờ ngày 08/02/2014 thì đến ga L - Hà Nội. Biên bản giao 10 người cho M và đưa cho M 32.000.000đ là số tiền chi phí B ứng trước cho mọi người, sau đó B đón tàu đi về nhà, còn M đón xe khách đưa mọi người đi MC - Quảng Ninh. Trong quá trình đi M thường xuyên liên lạc với người có tên E để sắp xếp người và phương tiện đưa đón. Khoảng 14 giờ cùng ngày M và mọi người đến MC - Quảng Ninh, M đưa mọi người đến một nhà nghỉ không rõ tên, địa chỉ. Tại đây M đòi tiền Việt Nam sang tiền Trung Quốc và yêu cầu mọi người nộp tiền, nhưng phần lớn mọi người đều không có tiền, M chỉ thu được 8.500.000 đồng của vợ chồng anh G, chị Ca, của vợ chồng anh Đa, chị K và của chị Th. Sau đó, M gọi xe ôm đưa mọi người ra bờ sông Ka Long rồi đi đò qua sông vượt biên sang Trung Quốc. M tiếp tục bố trí cho mọi người đi bằng nhiều phương tiện khác nhau vào sâu trong nội địa Trung Quốc, khoảng 12 giờ ngày 09/02/2014 thì đến bến xe thành phố Quảng Châu - Quảng Đông - Trung Quốc. Sau đó, được một xe ô tô đến đón đưa đến nghỉ tại một nhà trọ, bốn ngày sau mọi người được người phụ nữ tên E mang chúng

minh thư Trung Quốc giả đến đưa cho từng người và bố trí sắp xếp chỗ ăn ở và việc làm tại các xưởng sản xuất khác nhau.

Sau khi đưa mọi người vượt biên sang Trung Quốc, M gọi điện về thông báo cho B biết đã đưa được mọi người sang Trung Quốc an toàn, bố trí công việc đầy đủ và đã sử dụng hết số tiền 40.500.000đ chi phí và ứng cho mọi người mua sắm đồ dùng cá nhân.

Đối với những người được M và B đưa sang Trung Quốc, sau khoảng gần 02 tháng làm việc, do làm việc vất vả, bị ép làm thêm giờ và không được trả lương theo thỏa thuận nên mọi người lần lượt bỏ trốn sang làm việc tại các công ty khác, M đã thông báo cho B biết. Đầu tháng 4/2014 B sang Trung Quốc để cùng M tìm mọi người quay lại xưởng cũ làm việc nhưng không tìm được ai nên B trở về Việt Nam. Sau khi đưa được người sang Trung Quốc làm thuê M khai do một số người tự ý bỏ việc sang công ty khác nên M chỉ nhận được số tiền công 900.000 đồng/3 người.

Từ khoảng tháng 3 đến tháng 10/2014, mọi người tự tìm cách trở về Việt Nam và đến nhà B đòi tiền lương trong thời gian lao động ở Trung Quốc. B nói, do mọi người bỏ việc đi làm ở Công ty khác, nên ông chủ Trung Quốc không trả tiền lương và bản thân B cũng không được hưởng lợi gì trong việc đưa mọi người sang Trung Quốc làm thuê. Do nhiều lần đến đòi tiền công không được, nên anh Đ, G và chị Ca đã làm đơn tố cáo đến Công an xã A, huyện V.

Do biết mình bị khởi tố và truy nã, nên Hoàng M không về địa phương mà lẩn trốn, sinh sống tại Quảng Đông - Trung Quốc. Cuối tháng 12/2019, do tình hình dịch Covid - 19 tại Vũ Hán - Trung Quốc lan rộng, Hạnh trốn về Hà khẩu - Vân Nam - Trung Quốc rồi vượt biên về thành phố C tìm việc làm, sau đó trốn vào thành phố Hồ Chí Minh và thuê phòng trọ tại số nhà 161 B đường Q, phường X, Quận S để tìm việc làm. Đến ngày 26/02/2020 thì bị bắt theo Quyết định truy nã số 01/QĐ ngày 22/4/2015 của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Yên Bái.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKS-P1 ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố Hoàng M về tội: “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng M phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”; áp dụng khoản 1 Điều 275, điểm p khoản 1, Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Hoàng M từ 30 (ba mươi) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù, truy thu với bị cáo số tiền 900.000 đồng; bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Về cơ bản nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chưa gây hậu quả xấu cho xã hội, những người được bị cáo đưa sang Trung Quốc lao động trái phép, sau đó đều đã trở về Việt Nam nên gây thiệt hại không lớn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, bản thân bị cáo cũng đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Từ đó đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 275 điểm g, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai nhận tại cơ quan điều tra; bị cáo không tranh luận, bào chữa gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 12/2013, Hoàng M và B trú tại thôn T xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái đã bàn bạc thống nhất với nhau về việc đưa người sang Trung Quốc lao động làm thuê để cả hai cùng được hưởng lợi do chủ sử dụng lao động trả công. M gọi điện cho người phụ nữ tên E là người Việt Nam đang sinh sống ở Quảng Đông - Trung Quốc để sắp xếp việc làm cho những người do M đưa sang, E đồng ý và thỏa thuận trả công cho M 300.000đ/người và trả cho B 5 Nhân dân tệ tương đương 17.500đ/người/ngày với điều kiện mọi người làm việc tốt, được nhận lương. B đã tìm, rủ rê lôi kéo được 10 người để đưa sang Trung Quốc lao động làm thuê gồm: Anh Đ, V, L, G, C, chị Ca, Th cùng ở thôn 4 xã A, huyện V; chị K, anh Đa và anh Tr cùng ở thôn 5 xã A, huyện V. Sau đó B gọi điện thông báo cho M biết và thống nhất B cùng M sẽ đưa mọi người từ V đến ga L - Hà Nội. Từ ga L, M sẽ chịu trách nhiệm đưa mọi người sang Trung Quốc và bố trí công việc. Tiền lương của mọi người và tiền công của B sẽ do M trực tiếp lấy và gửi về nhà cho B, B sẽ có trách nhiệm trả lương cho người nhà của những người được đưa sang Trung Quốc. Khoảng 21 giờ ngày 07/02/2014 M và B cùng 10 người nêu trên đi tàu hỏa từ ga T, huyện V về ga L - Hà Nội, từ đây M tiếp tục đưa mọi người về MC - Quảng Ninh rồi đưa mọi người vượt biên trái phép qua sông Ka Long sang Trung Quốc sau đó được người phụ nữ tên E bố trí, sắp xếp làm việc tại các xưởng sản xuất. Sau khoảng gần 02 tháng làm việc, do làm việc vất vả, bị ép làm thêm giờ và không được trả lương theo thỏa thuận nên mọi người lần lượt bỏ trốn sang làm việc tại các công ty khác và từ khoảng tháng 3 đến tháng 10/2014 mọi người tự tìm cách

trở về Việt Nam. Hành vi nêu trên của bị cáo Hoàng M đã phạm vào tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành) và quy định về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” của Bộ luật Hình sự năm 2015 không có lợi hơn so với bộ luật Hình sự năm 1999 nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 275 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi tổ chức người khác trốn đi nước ngoài là vi phạm pháp luật, bị coi là tội phạm, nhưng do hám lời nên đã thực hiện hành vi phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật, cần phải xử lý nghiêm minh.

[4] Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ gây thiệt hại không lớn, bị cáo ăn năn hối cải và cho bị cáo được hưởng mức án thấp dưới khung hình phạt. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù những người được bị cáo đưa sang Trung Quốc lao động làm thuê đều đã trở về Việt Nam, nhưng sau khi được đưa sang Trung Quốc đều phải lao động vất vả và không được trả lương, nhiều người phải bỏ đi làm ở nơi khác sau đó đã tự tìm cách trở về Việt Nam. Từ năm 2015 bị cáo đã biết mình bị khởi tố về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài và bị truy nã, nhưng bị cáo vẫn cố tình lần trốn ở Trung Quốc và nhiều địa phương khác nhau, gây khó khăn cho công tác điều tra vụ án, cho đến ngày 26/02/2020 bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Yên Bái. Vì vậy, việc người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ gây thiệt hại không lớn, ăn năn hối cải là không phù hợp, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên không có căn cứ cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 như đề nghị của người bào chữa.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Thấy cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như việc răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Trong vụ án này, còn có B là người cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo, bị cáo M là người khởi xướng, rủ rê B cùng thực hiện tội phạm nên M được xác định giữ vai trò chính trong vụ án. Vì vậy, cần phải có hình phạt đối với Hoàng M cao hơn B. Đối với B đã bị Tòa án nhân dân huyện V xét xử tại Bản án số 37/2015/HS-ST ngày 17/7/2015 xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm.

[7] Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập gì, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với số tiền 900.000 đồng bị cáo được trả công, đây là khoản tiền do phạm tội mà có và bị cáo đã sử dụng hết, cơ quan điều tra không thu hồi được. Nên Cần truy thu sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên ngày 02/6/2020 gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp thay bị cáo khoản tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Nên cần xác nhận bị cáo đã nộp đủ.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Hoàng M phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 275, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Hoàng M 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 26 tháng 02 năm 2020.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999: Truy thu đối với bị cáo Hoàng Mỹ Hạnh số tiền 900.000 (chín trăm nghìn đồng) sung quỹ nhà nước (xác nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền truy thu tại biên lai thu tiền số AA/2013/00804 ngày 02/6/2020).

- Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Bị cáo Hoàng M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Hoàng M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Văn Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Chi cục THSDS huyện Văn Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Hà